TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Chuyển hóa nhận thức – Chuyển đổi số

ISSN: 2734-9195 12:28 15/09/2025

Chuyển đổi số chỉ thành công khi chuyển hóa nội tâm đi trước. Một quốc gia chỉ thật sự đổi mới bền vững nếu nền đạo lý đi trước tốc độ, trí tuệ dẫn đường công nghệ, và tâm linh soi chiếu thể chế.

Tác giả: ThS. Nguyễn Hoàng Hành
Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Chuyển hóa nhận thức – Chuyển đổi số: Điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn. Phật học và kiến tạo đạo lý trong kỷ nguyên công nghệ.

Tóm tắt: Bài viết khai thác những điểm tương đồng giữa tiến trình "*chuyển đổi số*" được xác định là đột phá chiến lược trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, với khái niệm "*chuyển hóa nhận thức*" trong Phật học. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất cách ứng dụng hệ tư tưởng Phật giáo – đặc biệt là Tam học (Giới – Định – Tuệ) – như một nền tảng đạo lý mềm cho xã hội công nghệ, góp phần xây dựng trí tuệ nhân tạo có từ bi, quản trị số có minh triết, và chuyển đổi số bền vững.

"Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế – xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới." (Bộ Chính trị, Nghị quyết số 57-NQ/TW, 2024)"

Bài viết là nỗ lực liên ngành giữa Phật học ứng dụng, khoa học công nghệ và chính sách đạo đức trong thời đại trí tuệ nhân tạo; đồng thời, trình bày hệ thống Tam học – Giới, Định, Tuệ như nền tảng đạo lý bền vững của Phật giáo, khai triển giá trị ứng dụng trong xã hội hiện đại, đặc biệt là giáo dục đạo đức, chuyển đổi số và quản trị nhân văn. Qua việc phân tích từng yếu tố, tác giả

khẳng định vai trò của Tam học như một kiến trúc mềm cho xã hội minh triết.

Abstract: This article explores the philosophical parallels between digital transformation—deemed a national breakthrough in Vietnam's Resolution No. 57-NQ/TW—and the Buddhist concept of mental transformation. Drawing from early Buddhist doctrines, especially the Threefold Training (Sīla – Samādhi – Paññā), the paper proposes an ethical framework rooted in Buddhist thought for guiding humane, wise, and compassionate technological development. The study advocates for integrating Buddhist mindfulness, ethics, and wisdom into digital policy, AI design, and national innovation strategies. It aims to contribute to interdisciplinary dialogues between Buddhism, technology, and ethical governance.

This article explores the Buddhist Threefold Training—Sīla (Morality), Samādhi (Concentration), and Paññā (Wisdom)—as a foundational ethical framework adaptable to modern society. It examines how these principles can be applied to moral education, digital transformation, and humane governance, offering a philosophical base for building a wise and compassionate civilization.

Từ khóa:

- Phật học – Đạo lý ứng dụng/Buddhist and Ethical Philosophy, Tam học (Threefold Training), Giới (Sīla – Morality), Định (Samādhi – Concentration), Tuệ (Paññā – Wisdom), Chuyển hóa nhận thức (Transformative Cognition), Phật học ứng dụng (Applied Buddhist Philosophy), Đạo lý công nghệ (Technological Ethics), Digital Buddhism.

- Công nghệ – Xã hội số/Digital Technology and Society: Chuyển đổi số (Digital Transformation), Trí tuệ nhân tạo đạo đức (AI Ethics), Xã hội tỉnh thức (Mindful Society), Chính trị tỉnh thức (Mindful Governance), Chính sách chuyển đổi số (Digital Transformation Policy).



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm).

1. Dẫn nhập: Chuyển đổi số và nhu cầu đạo lý trong thời đại công nghệ

Thế kỷ XXI không chỉ là kỷ nguyên của trí tuệ nhân tạo, mà còn là một giai đoạn lịch sử mà trong đó, con người bắt đầu bị đặt lại câu hỏi về chính mình. Dưới lớp vỏ hào nhoáng của những tiến bộ công nghệ là một cuộc khủng hoảng âm thầm: khủng hoảng đạo lý, khủng hoảng ý nghĩa, khủng hoảng bản thể học. Khi mọi giá trị có thể bị mã hóa thành dữ liệu, mọi lựa chọn bị dẫn dắt bởi thuật toán, và mọi hành vi được dự đoán trước bởi máy học – thì tự do ý chí, phẩm giá con người và nền tảng đạo đức trở thành câu hỏi nhức nhối hơn bao giờ hết.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị không chỉ là bản thiết kế chiến lược cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ẩn sâu trong nó là một tuyên ngôn thời đại: Việt Nam không chọn đi chậm trên con đường đổi mới, nhưng cũng không chấp nhận một tiến trình phát triển không gắn với đạo lý và nhân cách dân tộc. Nghị quyết ấy là lời nhắc nhở rằng: chuyển đổi số không thể chỉ là câu chuyện của máy móc, mà trước hết phải là câu chuyện của con người.

Từ góc nhìn Phật học, hành trình "*chuyển đổi số*" hiện nay bỗng trở nên quen thuộc một cách lạ kỳ. Bởi lẽ, từ hơn hai thiên niên kỷ trước, đức Phật đã tuyên thuyết một chân lý bất biến: *"Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo tác"* (manopubbaṅgamā dhammā, manoseṭṭhā manomayā) – mọi hiện tượng khởi

sinh đều bắt nguồn từ tâm thức. (Dhammapada, kệ 1 – 2)1 [Dhammapada, kệ 1 – 2] Footnote: Dhammapada, verses 1 – 2. In: Pali Text Society (1995). Dhammapada: A Translation. Oxford University Press.

Không có bất kỳ sáng tạo nào – kể cả siêu trí tuệ nhân tạo – lại không phát nguyên từ một chuyển động vi tế bên trong ý niệm. Những gì chúng ta gọi là "*cách mạng công nghệ*" hôm nay, nếu nhìn sâu bằng tuệ giác, cũng chỉ là kết quả của một chuỗi chuyển hóa tri thức tập thể, từ tầng vô minh đến minh triết, từ khổ đau đến giải thoát – hoặc ngược lại. Công nghệ, tự thân nó, không là thiện hay ác; chính tâm mới là kẻ dẫn đường, cũng là người đánh mất.

Chuyển đổi số, suy cho cùng, là hành trình chuyển hóa tri thức thành năng lực, dữ liệu thành giá trị, tốc độ thành chất lượng, và công nghệ thành đạo lý. Nhưng nếu hành trình đó chỉ dừng lại ở tầng kỹ thuật, nó sẽ để lại một xã hội rỗng lõi – nơi con người bị lệ thuộc vào máy móc, cảm xúc bị thao túng bởi tương tác ảo, và hành vi đạo đức bị định đoạt bởi logic thị trường.

Chính tại điểm giao giữa tốc độ công nghệ và chiều sâu nhân tính ấy, Phật học có thể xuất hiện như một hệ giá trị dẫn đường, như một "*bản cập nhật*" đạo lý vững chắc trong dòng chảy chuyển hóa. Phật giáo không phản đối đổi mới – đức Phật là một nhà cách mạng vĩ đại về tư tưởng. Nhưng Phật giáo nhấn mạnh rằng: mọi đổi mới, nếu không có chính kiến soi đường, đều dễ rơi vào cực đoan, tà kiến hoặc lạc hướng.

Điều kỳ diệu là: cả hai – Phật học và chuyển đổi số – đều đặt *"nhận thức"* làm điểm xuất phát. Một bên hướng đến sự tỉnh thức vượt khỏi vô minh; bên kia hướng đến tối ưu hóa hiệu quả, thông minh hóa hệ thống. Nhưng chỉ khi hai hành trình ấy giao thoa, con người mới không bị bỏ lại phía sau. Khi chuyển đổi số đồng hành cùng chuyển hóa nội tâm, thì công nghệ mới trở thành phương tiện, chứ không phải định mệnh.

Bài viết khởi đi từ một câu hỏi lớn: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Liệu có thể thiết lập một nền tảng đạo lý Phật học, để đồng hành cùng tiến trình chuyển đổi số quốc gia – như một trụ cột "*mềm*" nhưng bền vững, góp phần xây dựng một xã hội công nghệ có trí tuệ và từ bi?

Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta cần nhìn lại những nền tảng chuyển hóa trong Phật học, nơi mà mọi hành vi không khởi đi từ mệnh lệnh hệ thống, mà từ giác ngộ nội tâm. Nơi mà hành động không do logic của máy móc quyết định, mà do tỉnh thức của người thực hành đạo lý. Bởi nếu không, "*chuyển đổi số*" có thể trở

thành "*vong thân số*" – nơi con người không còn nhớ mình là ai, đang đi đâu, và sống vì điều gì.

2. Tư tưởng chuyển hóa trong Phật học: Từ nội tâm đến xã hội

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, hiếm có một hệ triết học nào coi chuyển hóa là cốt lõi như Phật giáo. Không chỉ là hành vi cải thiện đạo đức hay một lối tu tập tâm linh đơn thuần, "*chuyển hóa*" trong Phật học là nguyên lý nền tảng để tái kiến thiết toàn bộ nhận thức – tồn tại – và thế giới quan của con người, từ mức độ vi tế của tâm niệm đến cấu trúc vận hành của xã hội. Điều này khiến Phật giáo không dừng lại ở biên giới của một tôn giáo tín ngưỡng, mà trở thành một hệ hình triết lý giải phóng nội tại và kiến tạo xã hội – một hệ hình mà trong kỷ nguyên chuyển đổi số hôm nay, lại càng trở nên cấp thiết và thức thời.

2.1. Chuyển hóa – nguyên lý vận hành của giác ngộ

Nếu triết học phương Tây khởi đầu bằng mệnh đề nổi tiếng "*Tôi tư duy, nên tôi hiện hữu*" (Cogito ergo sum), thì Phật giáo lại tiếp cận từ một chiều ngược lại: chính vì tư duy sai lầm, con người mới hiện hữu trong khổ đau. Cái "*tôi*" ấy, không phải là chứng cứ của hiện hữu, mà là cội rễ của luân hồi.

Trong Tạng Pāli, đức Phật chỉ rõ nguyên nhân của khổ đau không nằm ở sự thiếu tri thức kỹ thuật, mà ở sự không thấy rõ Tứ thánh đế – cái nhìn sai lệch về khổ, tập, diệt, đạo. Vì thế, chúng sinh cứ mãi trôi lăn trong sinh tử: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

"Do không thấy rõ bốn sự thật, nên chúng sinh lang thang trong luân hồi dài lâu." (Na kho pan'etaṃ, bhikkhave, appahāya dukkhasmā mutti atthi…) (SN 56. 11)1 [SN 56. 11] Footnote: Saṃyutta Nikāya 56. 11. In: Bodhi, B. (Trans.). (2000). The Connected Discourses of the Buddha. Wisdom Publications.

Trong thế giới hiện đại, nếu sự thiếu hiểu biết về công nghệ dẫn đến lạc hậu, thì sự thiếu chính kiến về sự sống mới dẫn đến khổ đau. Và chính sự chuyển hóa tri kiến – từ tà kiến đến chính kiến – mới là cuộc cách mạng căn bản nhất mà Phật học đề xuất cho bất kỳ thời đại nào.

Vì vậy, chuyển hóa đầu tiên và quan trọng nhất là chuyển hóa tri kiến – từ cái thấy sai lầm (micchā-diṭṭhi) sang cái thấy đúng như thực (sammā-diṭṭhi), mà Phật học gọi là chính kiến. Đây không phải sự "*cải cách tư duy*" nhất thời, mà là đập vỡ toàn bộ cấu trúc mê lầm, để kiến lập lại đời sống trên nền chân lý –

tương đương với một *"tái lập hệ điều hành"* của tâm thức.

Từ chính kiến ấy, hành giả mới bước vào hành trình chuyển hóa thứ hai – chuyển hóa cảm xúc, tâm lý và hành vi – qua Giới – Định – Tuệ. Quá trình này không diễn ra tuyến tính, mà theo logic của tương tác đa chiều: mỗi hành vi chuyển hóa nội tâm sẽ đồng thời ảnh hưởng đến tương quan xã hội, và mỗi biến động xã hội đều phản ánh mức độ giác ngộ tập thể. Đây là nét đặc trưng của Phật học: chuyển hóa không chỉ để thoát ly, mà còn để phụng sự; không nhằm tách rời thế gian, mà để làm cho thế gian này trở thành một cõi sống có đạo lý.

2.2. Ba tầng chuyển hóa: từ bản ngã cá nhân đến trí tuệ cộng đồng

Phật học đề xuất ba tầng chuyển hóa, không phải như những cấp độ tách biệt, mà là ba vòng xoáy đồng tâm: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Chuyển hóa vọng tưởng thành chính niệm: Người hiện đại bị công nghệ hút vào vòng xoáy thông tin, tiêu thụ, so sánh và thỏa mãn tức thì. Phật học đưa ra giải pháp "*thu hồi tâm ý*", trở về hơi thở, thiết lập lại trung tâm tỉnh thức – như một *"lõi xử lý"* đạo đức giữa mạng lưới tán loạn của tâm trí.

Chuyển hóa tri kiến sai lạc thành chính kiến: Trong kỷ nguyên của thuyết tương đối hậu hiện đại và công nghệ deepfake, con người dễ rơi vào trạng thái *"vô minh kỹ thuật số"* (digital delusion). Phật học – với phương pháp "*thấy đúng như thật"* (yathābhūtañāṇadassana) – không chỉ giúp thanh lọc nhận thức cá nhân, mà còn là nền tảng để xây dựng "*chủ quyền tri thức"* tập thể, chống lại thao túng của thuật toán.

Chuyển hóa hành vi nghiệp lực thành chính nghiệp: Hành động tạo tác, dù nhỏ bé đến đâu, đều để lại hệ quả (kamma-vipāka). Trong xã hội kỹ thuật số, mỗi cú click chuột, mỗi dòng trạng thái, mỗi quyết định phát triển công nghệ – đều trở thành *"nghiệp hành"* với cộng đồng. Do đó, Phật học nhấn mạnh chuyển hóa hành vi dựa trên trí tuệ và từ bi – như nền tảng đạo đức cho cả cá nhân lẫn tổ chức.

Sự chuyển hóa từ cá nhân đến cộng đồng, từ nội tâm đến chính sách, từ đời sống đến hệ thống – chính là mô hình "*chuyển hóa lan tỏa*" (anubhāva-saṅkhāra) trong Phật học. Điều này trùng khít với cấu trúc *"chuyển đổi số cấp tiến"* của Nghị quyết 57-NQ/TW: thay đổi tư duy, dẫn tới đổi mới thể chế, tạo ra động lực xã hội và khai thông hệ sinh thái quốc gia.

2.3. Kiến trúc song hành: Chuyển hóa nội tâm – Chuyển đổi xã hội

Nếu hình dung Phật học như một phần mềm đạo đức thì chuyển đổi số chính là hạ tầng kỹ thuật để chạy phần mềm ấy ở cấp độ quốc gia. Một bên thay đổi cách vận hành xã hội; bên kia thay đổi cách vận hành tâm thức. Và giữa hai tiến trình đó, con người hiện đại chính là nút giao chiến lược, nơi quyết định hướng đi đạo lý của cả một dân tộc trong kỷ nguyên công nghệ.

"Chuyển đổi số không chỉ là thay đổi công cụ, mà là thay đổi cách nghĩ, cách làm, cách quản trị đất nước. Đây là cuộc cách mạng về tư duy, về văn hóa và về con người – nơi đạo lý phải đi trước công nghệ, nhân cách phải song hành cùng trí tuệ nhân tạo." (Tổng Bí thư Tô Lâm, 2025)".

Thành phần Phật học	Tương ứng công nghệ	Ý nghĩa đối chiếu
Chính kiến	Hạ tầng nhận thức số	Định hình bản đồ tư duy xã hội
Chính nghiệp	Hệ thống hành vi AI	Điều tiết hành vi qua đạo đức máy
Chính niệm	Tự chủ cảm xúc số	Cân bằng đời sống tâm thức trong môi trường kỹ thuật số

Từ đó, ta có thể đề xuất một mô hình chính sách có khả năng tích hợp: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

"Chuyển hóa nội tâm bằng Phật học" + "Chuyển đổi số bằng công nghệ" = "Xã hội số minh triết và từ bi"

Đây không phải công thức hàn lâm, mà là một định hướng thực tiễn – cho giáo dục, cho hoạch định chính sách, cho phát triển công nghệ, và cho kiến tạo hạnh phúc cộng đồng.

3. Phật học và những vấn đề đạo đức trong kỷ nguyên công nghệ

"Không phải công nghệ sẽ định hình tương lai, mà là đạo lý con người vận hành công nghệ sẽ viết nên tương lai." - (Minh Dực, 2025)"

Có một điều kỳ lạ: càng tiến bộ, nhân loại lại càng lo lắng cho tương lai đạo đức của mình. Chúng ta đã chế tạo máy móc có khả năng tự học, viết văn, phán đoán, dự đoán hành vi và thậm chí tạo ra hình ảnh *"con người lý tưởng"* bằng thuật toán. Nhưng đồng thời, chúng ta cũng đang đối diện với sự suy tàn đạo lý ở quy mô chưa từng có – nơi phán xét thay cho thấu cảm, tiêu thụ thay cho thiền định, và chia rẽ thay cho từ bi.

Trong bối cảnh ấy, Phật học không bước vào như một tôn giáo tìm kiếm tín đồ, mà như một hệ hình đạo lý – một trường lực tỉnh thức – để soi rọi những mối nguy đạo đức đang bị ẩn giấu trong ngôn ngữ của tiến bộ. Mối nguy lớn nhất không phải là công nghệ vượt mặt con người, mà là con người để Tam độc – Tham, Sân, Si – điều khiển chính công nghệ do mình tạo ra.

3.1. Tam độc được mã hóa: Khi vô minh vận hành bằng thuật toán

Nếu như trong thời quá khứ, Tham – Sân – Si (lobha, dosa, moha) tồn tại như những khuynh hướng nội tâm chi phối hành vi cá nhân, thì ngày nay, các căn độc ấy đã được mã hóa thành hệ thống, lồng ghép tinh vi trong cấu trúc thuật toán, hành vi tiêu dùng và các mô hình trí tuệ nhân tạo.

Điều mà Phật giáo gọi là vô minh nay đã mang hình dạng của dữ liệu, thuật toán và mô hình học máy – hoạt động không ngừng nghỉ trên các nền tảng số. Không còn giới hạn trong phạm vi đạo đức cá nhân, Tam độc thời nay trở thành cấu trúc vận hành tập thể, được nhân rộng bằng công nghệ.

Từ rất sớm, trong Aṅguttara Nikāya, đức Phật đã xác quyết: [Aṅguttara Nikāya] Footnote: Aṅguttara Nikāya. In: Bodhi, B. (Trans.). (2000). The Numerical Discourses of the Buddha. Wisdom Publications.

"Tam độc là gốc rễ của mọi bất thiện. Diệt tận Tam độc là con đường đưa đến Niết-bàn." - (Lobha – dosa – moha mūlaṃ akusalaṃ; nissaraṇaṃ tesaṃ Nibbānaṃ) (Aṅguttara Nikāya)1 [Aṅguttara Nikāya] Footnote: Aṅguttara Nikāya. In: Bodhi, B. (Trans.). (2000). The Numerical Discourses of the Buddha. Wisdom Publications.

Điều đáng suy ngẫm là: nếu ngày xưa Tam độc sống ẩn mình trong từng cá nhân, thì ngày nay, chúng ẩn mình trong mô hình đề xuất nội dung, hành vi khuyến khích tiêu dùng và thuật toán tối ưu tương tác. Cái gọi là *"trung lập công nghệ"* thực chất có thể là sự vận hành vô thức của vô minh thời đại số, khi lòng tham được đo bằng lượt nhấp chuột, sân hận được khuếch đại bằng phân cực, và si mê được nuôi dưỡng qua tin giả và định kiến thuật toán.

Tham – Lòng khát khao được thu lợi bất tận: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Mọi hành vi người dùng được khai thác để tăng tối đa thời gian trên nền tảng, tối ưu hóa tương tác, và từ đó, tối đa hóa lợi nhuận.

Hành vi tiêu dùng, khoái cảm, và định danh ảo được thúc đẩy mạnh mẽ, khiến con người sống trong *"ảo tưởng sở hữu"*, thay vì tỉnh thức về giá trị thật.

Sân – Cơ chế gây phẫn nộ có chủ đích: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Nội dung gây chia rẽ, giật gân, cực đoan hóa thường được thuật toán ưu tiên vì giữ chân người dùng tốt hơn.

Từ sân hận cá nhân đến thù địch cộng đồng, từ cảm xúc đến chính trị – đều bị thao túng để tạo ra sự "*phân cực chủ ý*" (engineered polarization).

Si – Vô minh nhân tạo và thao túng nhận thức: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Những mô hình AI *"tự học"* từ dữ liệu có thiên kiến – khiến hệ thống *"thông minh"* nhưng vẫn *"si mê"* vì học sai từ con người.

Con người bị dắt vào các "*vòng lặp nhận thức đóng*" – nơi tin giả được củng cố, ảo tưởng được khuyến khích, và trí tuệ bị thay thế bằng phản xạ đám đông.

Nếu ngày xưa, vô minh là màn đêm, thì hôm nay, vô minh mặc áo khoa học, nói tiếng kỹ thuật, và hoạt động như một cỗ máy siêu hiệu quả.

3.2. Phật học như đạo lý gốc cho "*thuật toán đạo đức*"

Không thể ngăn chảy máu bằng cách bóp mạch ở ngọn tay. Chữa lành đạo đức thời AI cần trở lại với gốc rễ tri kiến, nơi con người không chỉ hỏi "*công nghệ có thể làm gì?*", mà là: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

"Chúng ta có nên làm điều đó không? Và làm thế nào để không đánh mất chính mình trong khi làm điều đó?"

Phật học không cung cấp "*công cụ kiểm soát AI*", mà cung cấp nguyên lý tu tập tâm thức – nơi chính niệm, từ bi, và trí tuệ không chỉ là phẩm chất cá nhân, mà là chuẩn mực để thiết kế xã hội và hệ thống công nghệ.

Chính niệm (Sati): điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Phát triển các nền tảng công nghệ "*tỉnh thức*": không gây nghiện, không đánh cắp sự chú ý, không gây loạn tâm.

Lập trình hành vi sử dụng công nghệ không phản ứng tự động, mà có chọn lọc – đưa con người trở lại làm chủ chính mình.

Từ bi (Karunā): điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Công nghệ phải được thiết kế trên nguyên lý không gây tổn hại (ahiṃsā), không bạo lực ngôn từ, không làm tổn thương cộng đồng dễ bị tổn thương.

Thiết lập quy chuẩn AI nhân đạo, bảo vệ phẩm giá con người, nhất là trẻ em, người yếu thế, dân tộc thiểu số, tôn giáo, phụ nữ.

Trí tuệ (Paññā): điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Xây dựng khả năng phân biệt thật – giả, đúng – sai, lợi – hại – thiện – ác trong kỷ nguyên thông tin hỗn loạn.

Phát triển "*AI có chính kiến*" – những hệ thống không chỉ học từ dữ liệu, mà còn được định hướng bởi nguyên lý đạo đức sâu sắc.

Phật học không cần đối đầu với công nghệ. Ngược lại, chính từ Phật học, chúng ta có thể kiến tạo một mô hình "*thiết kế từ bi – lập trình trí tuệ – vận hành tỉnh thức*", để biến AI không phải là cái bóng của Tam độc, mà là người bạn đồng hành của chính pháp.

3.3. Khung pháp giới cho xã hội số

Pháp giới xưa là cõi tâm linh – nơi chúng sinh vận hành theo nghiệp và đạo. Pháp giới hôm nay là cõi mạng – nơi con người vận hành theo dữ liệu và thuật toán. Nhưng dù hình tướng thay đổi, bản chất vẫn là một thế giới nhân quả – nơi mọi hành động đều để lại hệ lụy.

Nếu thế giới số là một pháp giới mới, thì nó cần được thiết lập trên giới luật mới – không phải của tôn giáo, mà của đạo lý phổ quát. Phật học chính là một nền giới luật mềm, nơi các nguyên tắc không bị áp đặt từ bên ngoài, mà được thức tỉnh từ bên trong: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Không nói dối → chống tin giả

Không tham lam → chống chiếm đoạt dữ liệu

Không sát hại → bảo vệ nhân phẩm con người

Không tà hạnh → bảo vệ phẩm giá giới tính

Không sử dụng độc tố → chống gây nghiện kỹ thuật số

Khi Phật giáo Nam truyền nhấn mạnh giới luật như nền móng, Bắc truyền nhấn mạnh tâm từ – trí tuệ như phương tiện, và Kim Cương thừa nhấn mạnh chuyển hóa như cứu cánh – thì tất cả đều gặp nhau ở một điểm: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Không thể giải phóng xã hội khỏi khổ đau nếu không giải phóng con người khỏi vô minh.

4. Tam học (Giới – Định – Tuệ): Nền tảng đạo lý cho xã hội số minh triết

"*Nếu Giới là biên giới của lương tâm, Định là cột trụ giữ thân tâm không đổ vỡ, thì Tuệ là ánh sáng chiếu rọi đường đi cho toàn xã hội – vượt khỏi những mê lộ của chính sự và thuật toán.*" - (Minh Dực, 2025)

Giữa dòng chuyển dịch dữ dội của thời đại trí tuệ nhân tạo và siêu kết nối, câu hỏi không còn là: "*Chúng ta có đủ công nghệ không?*", mà là: "*Chúng ta có đủ đạo lý để sử dụng công nghệ không?*". Và nếu phải chọn một hệ hình đạo lý để kiến thiết nền tảng vững chắc cho con người trong xã hội kỹ thuật số, thì Tam học – Giới – Định – Tuệ – của Phật giáo là hệ điều hành tâm linh ưu việt nhất mà nhân loại từng sở hữu.

"*Có tài mà không có đức là người vô dụng; có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Tài và đức như hai cánh của một con chim, thiếu một cánh thì không bay được.*" (Hồ Chí Minh, 1958, Đạo đức cách mạng)

Tam học không đối lập với khoa học. Ngược lại, nó cung cấp cơ chế cân bằng tinh thần, giúp con người điều tiết hành vi, làm chủ cảm xúc và định hướng hành động trong môi trường số vốn dĩ dễ gây phân mảnh tâm lý và mất kiểm soát đạo đức. Trong xã hội kỹ trị, Tam học là kiềng ba chân không thể thiếu của nhân cách số – digital character.

4.1. Giới – Thiết lập "*biên giới đạo lý*" trong môi trường không biên giới

Trong thế giới vật lý, pháp luật giới hạn hành vi. Nhưng trong thế giới số – nơi các nền tảng công nghệ vượt khỏi lãnh thổ quốc gia, và hành vi không còn bị ràng buộc bởi sự hiện diện vật lý – thì pháp luật trở nên chậm hơn thực tiễn, và đạo lý trở thành thành lũy cuối cùng.

Giới – trong Phật học – là cơ chế tự nguyện giới hạn cái tôi để bảo vệ cái chung. Không phải là ép buộc từ bên ngoài, mà là tỉnh thức từ nội tâm, một "*bức tường vô hình*" chặn lại dòng chảy bất thiện trước khi nó biến thành hành vi.

Trong xã hội số, *"Giới"* cần được chuyển hóa thành: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Bộ quy chuẩn đạo đức số (digital ethics codes) áp dụng cho từng vai trò: người dùng, nhà sáng tạo nội dung, lập trình viên, nhà hoạch định chính sách.

Giới luật truyền thông mới: chống lại thao túng tâm lý, tin giả, văn hóa hủy diệt, xâm phạm đời tư và đạo đức kinh doanh vô cảm.

Trong giáo dục, Giới cần được đưa vào trường học như một môn học chính thức: *"Kỹ năng đạo lý số"*, giúp học sinh hiểu rằng một cú click có thể làm tổn thương, một dòng bình luận có thể giết chết một người, và một quyết định *"like"* hay *"share"* cũng là một hành động nghiệp lực.

4.2. Định – Giữ thân tâm vững giữa dòng lũ siêu dữ liệu

Trong một ngày, con người hiện đại phải tiếp nhận lượng thông tin lớn hơn cả một người cổ đại tiếp nhận trong suốt cuộc đời. Nhưng song song với đó là sự rối loạn chú ý, mất phương hướng tinh thần, và xói mòn khả năng suy nghĩ sâu. Đó chính là "*khổ não mới*" của xã hội số.
Phật học gọi *"Định"* là tâm không dao động trước các đối tượng của trần cảnh, tức là: giữ vững trung tâm bản thân giữa vô vàn lực kéo bên ngoài. Trong xã hội số, Định là: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Cơ chế kiểm soát cảm xúc, chống lại phản xạ bản năng trước các nội dung gây sốc, gây giận dữ, gây tranh cãi.

Nền tảng của tư duy độc lập – không để mình bị thao túng bởi trào lưu, đám đông mạng, thuật toán điều hướng.

Công cụ cân bằng năng lượng sống, chống stress, nghiện số, trầm cảm công nghệ.

Trong quản trị xã hội, "*Định*" là sự tỉnh táo chiến lược của Nhà nước, không đánh đổi đạo lý để đổi lấy tốc độ, không hy sinh văn hóa chỉ vì hiệu suất, không lấy chỉ số tương tác làm thước đo của sự thật. Một quốc gia có "*Định*" là quốc gia biết giữ hồn cốt giữa nghìn luồng gió của toàn cầu hóa và công nghệ hóa.

4.3. Tuệ – chiếu sáng chính sách công, định hình sự phát triển có từ bi

"Tuệ là trụ cột cao nhất trong Tam học – là năng lực thấy đúng – hiểu sâu – quyết định đúng trên nền từ bi và vô ngã. Trong kỷ nguyên số, Tuệ chính là sự phân biệt giữa cái lợi trước mắt và cái hại lâu dài, giữa cái tiện và cái thật, giữa sự tăng trưởng và sự trưởng thành."

Trong công nghệ, "*Tuệ*" giúp: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Nhận diện các nguy cơ đạo đức tiềm ẩn trong các mô hình AI, big data, metaverse, deepfake...

Phát triển các nguyên lý *"thiết kế nhân bản"* (human-centered design) – không chỉ tạo trải nghiệm mượt mà, mà còn nâng tầm nhân cách người dùng.

Lựa chọn chiến lược đổi mới không chỉ vì lợi nhuận, mà vì mục tiêu giáo hóa xã hội – giải khổ cộng đồng.

Trong chính sách công, Tuệ là năng lực định hướng giá trị vượt lên trên lợi ích, lựa chọn con đường phát triển cân bằng giữa vật chất và tâm linh, giữa khoa học và đạo lý, giữa tiến bộ và hạnh phúc.

Một xã hội không có Tuệ sẽ bị lạc lối bởi chính sự thông minh của mình. Một chính quyền không có Tuệ sẽ rơi vào chủ nghĩa kỹ trị, mất kiểm soát trước những hệ thống do chính mình thiết lập. Tuệ là "*ánh sáng trí tuệ chính sách*" – là chính kiến trong quản trị quốc gia.

4.4. Tái thiết đạo lý quốc gia từ nền Tam học

Tam học không còn là phương tiện tu chứng cá nhân thuần túy. Trong kỷ nguyên của xã hội mở – kỹ thuật số – và biến đổi đạo lý – Tam học cần được huy động như một kiến trúc quản trị xã hội, giáo dục công dân, quy hoạch văn hóa

và kiểm soát phát triển công nghệ.

Trụ cột Tam học	Giá trị ứng dụng	Lĩnh vực triển khai
Giới	Điều chỉnh hành vi – đạo đức nghề nghiệp	Luật pháp – Giáo dục – Công nghệ
Định	Tái lập quân bình nội tâm – tỉnh thức hành vi	Sức khỏe tinh thần – Quản trị cảm xúc – Truyền thông
Tuệ	Định hướng tầm nhìn – thiết kế chính sách nhân văn	Chính trị – Công nghệ – Phát triển bền vững

Khi Tam học được tích hợp trong chiến lược quốc gia chuyển đổi số, Việt Nam không chỉ là quốc gia đổi mới công nghệ, mà còn là quốc gia thức tỉnh đạo lý – dẫn dắt bằng minh triết Á Đông – và kiến tạo một hình mẫu phát triển có trí tuệ, có từ bi, có linh hồn.

5. Ứng dụng Phật học trong chính sách công về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

"*Không thể có xã hội số bền vững nếu thiếu một tâm thức số tỉnh thức. Không thể đổi mới sáng tạo vì con người nếu chính con người không được khơi sáng từ bên trong. Chính sách công cần một linh hồn. Và Phật học chính là cội nguồn cho linh hồn ấy. ”* - (Minh Dực, 2025)

Lịch sử cho thấy, những bước đại nhảy vọt của công nghệ luôn đi kèm với những thử thách đạo lý. Từ công nghiệp hóa đến trí tuệ nhân tạo, từ điện toán đám mây đến dữ liệu lớn, nhân loại không chỉ đối diện với khát vọng vươn lên mà còn đối diện với những vực thẳm đạo đức. Ở mỗi ngã rẽ phát triển, câu hỏi chưa bao giờ cũ: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

"Chúng ta đang trở thành ai, và chúng ta đi đâu sau mỗi cú nhấn phím?"

Nghị quyết số 57-NQ/TW không chỉ là văn bản chỉ đạo về công nghệ, mà còn mở ra một *"cửa sổ cơ hội"* để tái kiến thiết hệ giá trị nền tảng của quốc gia. Trong bối cảnh ấy, Phật học – với triết lý chuyển hóa, chính niệm và giải thoát khỏi vô minh – cần được định vị như một nền tảng đạo lý cốt lõi để định hình chính sách công thời đại số.

5.1. Tái thiết giáo dục quốc gia từ triết lý Tam học – chuyển hóa nhận thức công dân số

Giáo dục là nơi gắn rễ lâu dài cho mọi giá trị phát triển. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục hiện tại phần lớn mới chỉ *"theo kịp công nghệ"*, chứ chưa dẫn dắt đạo lý. Trong khi đó, nền giáo dục có gốc từ Phật học từ lâu đã lấy Tam học (Giới – Định – Tuệ) làm trục khai tâm – không phải để huấn luyện tín đồ, mà để giải phóng con người khỏi vô minh.

Đề xuất chính sách giáo dục: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Đưa Tam học vào chương trình giáo dục phổ thông như một hệ tiêu chuẩn *"công dân số tỉnh thức"*, không đối lập với khoa học – mà làm nền cho mọi năng lực mềm: đạo đức số, cân bằng tâm lý, tư duy phản biện, trách nhiệm xã hội.

Triển khai chương trình "*Giới – Định – Tuệ học đường*": tổ chức các tiết học thực hành chính niệm, thiền tỉnh thức, ứng xử từ bi trên mạng, nhận diện nội dung độc hại.

Tái cấu trúc triết lý đào tạo giáo viên và quản lý giáo dục: không chỉ là nhà truyền đạt kiến thức, mà là người kiến tạo đạo lý sống giữa kỷ nguyên dữ liệu hóa đời người.

Nếu không khơi dậy "*giới – định – tuệ*" nơi người học, thì trí tuệ nhân tạo sẽ không còn cần con người có ý chí.

5.2. Định hình công nghệ – thiết kế từ bi và lập trình tỉnh thức

Công nghệ không còn trung lập. Dưới bàn tay vô thức, nó có thể trở thành công cụ thâm nhập đời sống riêng tư, làm lệch cảm xúc xã hội, nuôi dưỡng bản ngã tập thể và thúc đẩy chủ nghĩa tiêu dùng không giới hạn. Phật học – với tinh thần chính niệm – vô ngã – từ bi – cần được đưa vào như một nguyên lý thiết kế hệ thống, không phải sau cùng, mà ngay từ giai đoạn khởi phát tư duy công nghệ.

Đề xuất thiết kế đạo lý cho công nghệ: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Xây dựng "*Chuẩn đạo đức Tam học*" trong thiết kế nền tảng số: công cụ AI, mạng xã hội, big data phải đặt lợi ích con người – phẩm giá, an lạc, bình đẳng – lên trên hiệu suất thương mại.

Phát triển các mô hình AI có "*nhân tính*" – compassion-centered AI: thuật toán không chỉ phản ánh dữ liệu quá khứ, mà học từ giá trị tương lai: vô hại, khuyến thiện, nuôi dưỡng trí tuệ khai phóng.

Hình thành cộng đồng các lập trình viên tỉnh thức (Mindful Coders Network): đề cao "*chính mạng*" của người làm công nghệ – không lập trình vô thức, không phục vụ vô minh, không góp phần tạo khổ cho số đông.

5.3. Cải cách thể chế từ nền tảng Phật học: Minh triết hóa quản trị số

Chuyển đổi số là một cuộc cải cách thể chế ở tầng sâu. Nhưng nếu chỉ số hóa thủ tục, mà không số hóa được tinh thần phục vụ – thì chính quyền số vẫn là chính quyền hình thức. Phật học, với triết lý vô ngã, chính nghiệp, chính kiến và phục vụ chúng sinh, hoàn toàn có thể trở thành cơ sở triết học công vụ.

Đề xuất cải cách chính sách công: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Thiết lập Bộ Quy chuẩn *"Chính quyền tỉnh thức – Chính trị từ bi – Chính sách chính nghiệp"*: yêu cầu người đứng đầu các cấp phải trải qua huấn luyện về tư duy hệ thống tỉnh thức, quản trị cảm xúc, ra quyết định dựa trên lợi ích cộng đồng bền vững.

Đưa "*Định – Tuệ*" vào văn hóa hành chính: tư duy thiền định giúp tăng chất lượng giải quyết hồ sơ, xử lý khủng hoảng truyền thông, truyền cảm hứng đạo lý trong hành xử công quyền.

Thí điểm các mô hình *"Trung tâm quản trị tỉnh thức công cộng"* – nơi người dân, doanh nghiệp và chính quyền cùng ngồi lại trong chính niệm để đối thoại, chia sẻ, hóa giải bất đồng, tránh cực đoan hóa dư luận.

5.4. Kiến tạo mô hình quốc gia có đạo lý: Từ chính sách đến nền văn hóa số minh triết

Cuối cùng, sự đổi mới không thể chỉ dừng ở hệ thống – mà phải trở thành khí chất. Nếu Việt Nam bước vào kỷ nguyên chuyển đổi số bằng cả tâm thế công nghệ và đạo lý, chúng ta có thể dẫn đầu khu vực trong việc kiến thiết mô hình phát triển mềm – một quốc gia chuyển hóa tâm thức, chứ không chỉ chuyển giao dữ liệu.

Đề xuất chiến lược tầm quốc gia: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

- Ban hành 'Hiến chương Đạo lý số Quốc gia', giao Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương và Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng – tái định nghĩa giá trị phát triển từ góc nhìn Phật học.

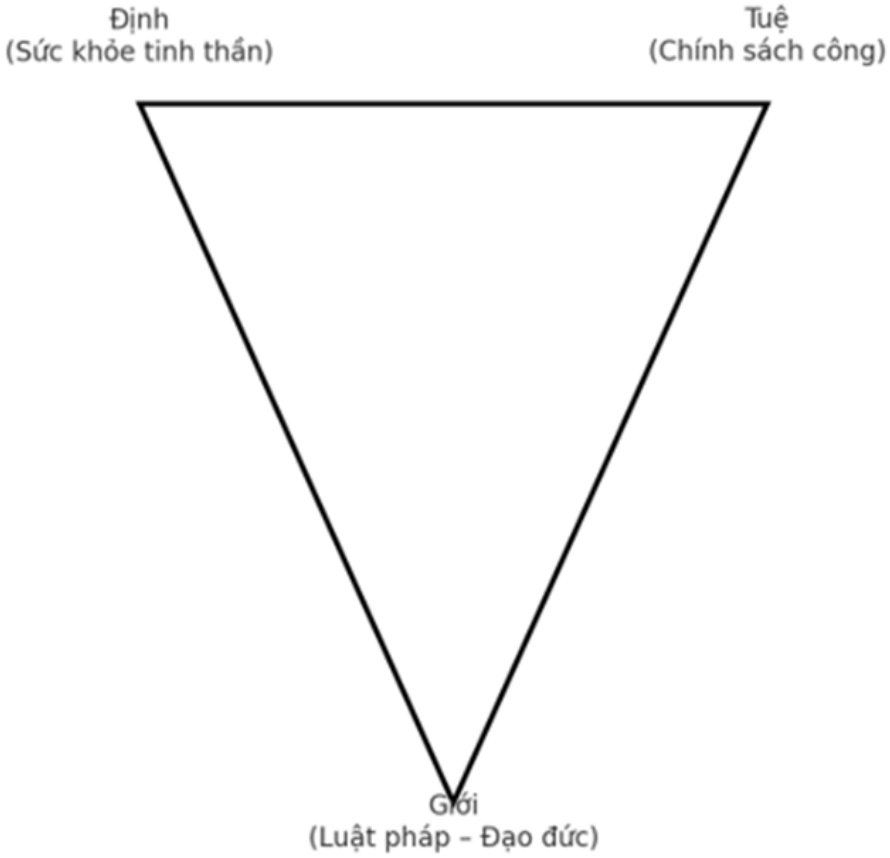
- Thành lập Viện Nghiên cứu liên ngành Phật học – Công nghệ – Chính sách đổi mới, trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và có sự tư vấn chuyên môn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Thể chế hóa 'Tuần lễ Quốc gia Chính niệm' và 'Ngày Quốc gia về Giới – Định – Tuệ', do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các tổ chức tôn giáo – làm điểm nhấn văn hóa đạo lý Việt Nam trên trường quốc tế.

- Thành lập Viện Nghiên cứu liên ngành Phật học – Công nghệ – Chính sách đổi mới: Làm trung tâm học thuật tư vấn cho chính phủ trong các quyết định đạo lý công nghệ.

- Thể chế hóa "*Tuần lễ Quốc gia Chính niệm*" và "*Ngày Quốc gia về Giới – Định – Tuệ*" – để đạo lý Phật học không chỉ là nội dung nghiên cứu, mà là sinh hoạt cộng đồng, quốc lễ văn hóa, biểu tượng tinh thần của Việt Nam thời đại số.
Một quốc gia không thể chỉ chạy đua với công nghệ, mà cần dẫn đầu bằng đạo lý. Một dân tộc không thể chỉ mạnh về kỹ thuật, mà phải vững về tinh thần. Phật học – nếu được tích hợp đúng lúc, đúng chỗ – có thể trở thành "*bản firmware đạo lý*" cho quốc gia, để mọi cập nhật kỹ thuật đều phục vụ cho giác ngộ, chứ không cho khổ đau.

Hình 1 – Tam học Phật giáo trong xã hội số (do tác giả biên soạn)



Sơ đồ minh họa Tam học – Kiềng ba chân cho xã hội số minh triết là công cụ trực quan nhằm hỗ trợ giảng dạy, thuyết trình và nghiên cứu liên ngành về Phật học ứng dụng trong bối cảnh đạo đức số. Tác giả biên soạn sơ đồ dựa trên nguyên lý Giới – Định – Tuệ của Phật giáo nguyên thủy, kết nối với tư duy quản trị hiện đại và chuyển đổi nhận thức xã hội.

6. Kết luận: Từ chuyển đổi số đến chuyển hóa tâm linh – Kiến tạo tương lai từ đạo lý Phật học

“Khi tốc độ của máy móc vượt quá nhịp đập của trái tim con người, khi dữ liệu được thờ phụng còn phẩm giá bị lãng quên, thì chính đạo lý – chứ không phải công nghệ – sẽ quyết định tương lai của nhân loại. Phật học chính là ngọn đèn đạo lý ấy.” - (Minh Dực, 2025)”

Chuyển đổi số – như Nghị quyết 57-NQ/TW xác định – là một *“đột phá chiến lược* ” nhằm kiến tạo quốc gia thông minh, sáng tạo và hội nhập. Nhưng đằng sau mọi chiến lược vĩ mô, sau mọi siêu công nghệ và thuật toán tiên tiến, vẫn tồn tại một câu hỏi căn bản, chưa bao giờ cũ: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ

giữa các luận điểm và thực tiễn.

"*Con người sẽ trở thành gì trong xã hội do chính họ thiết kế?*"

Bài viết này đi từ một mệnh đề tưởng chừng nghịch lý: Chuyển đổi số chỉ thành công khi chuyển hóa nội tâm đi trước. Một quốc gia chỉ thật sự đổi mới bền vững nếu nền đạo lý đi trước tốc độ, trí tuệ dẫn đường công nghệ, và tâm linh soi chiếu thể chế. Chính từ đó, Phật học – không phải như tôn giáo huyền bí, mà như một hệ hình đạo lý tỉnh thức – chính niệm – giải thoát khổ đau, cần được tái định vị như nền tảng đạo lý chiến lược cho Việt Nam trong thế kỷ XXI.

6.1. Tái định vị Phật học: Từ di sản tinh thần đến nguồn lực kiến thiết quốc gia

Trong nhiều thế kỷ, Phật học được trân trọng như một di sản tâm linh, một giá trị văn hóa sâu sắc. Nhưng đến thế kỷ số, Phật học cần bước ra khỏi điện thờ, bước vào diễn đàn chính sách, phòng học, phòng lập trình và nghị trường quốc hội.

Là triết lý nền tảng cho đạo đức công nghệ và trí tuệ nhân tạo có từ bi.

Là cơ sở lý luận cho giáo dục kỹ năng sống tỉnh thức, chống thao túng số.

Là khung hành vi mẫu mực cho công dân số, chính quyền số, quốc gia số.

Là phương pháp trị liệu cho khủng hoảng bản sắc, đạo đức, tâm lý tập thể.

Khi Phật học được tái định nghĩa như một nền tảng đạo lý ứng dụng liên ngành, không những không làm chậm nhịp phát triển – mà còn chống cực đoan kỹ trị, giúp chính sách trở nên người hơn, dữ liệu trở nên nhân bản hơn, và phát triển trở nên có lương tâm.

6.2. Khái niệm then chốt: Từ *"xã hội số"* đến *"xã hội số tỉnh thức"*

Khái niệm này tương đồng với mô hình Chỉ số Hạnh phúc Quốc gia (GNH) của Bhutan và chương trình Digital Well-being của UNESCO, nhưng nhấn mạnh nền tảng nội tâm tỉnh thức và đạo lý Phật học làm trụ cột phát triển.

Thế giới đang hướng đến xã hội số – nơi mọi thứ đều kết nối, đo lường, dự đoán. Nhưng Việt Nam có thể đi xa hơn: kiến tạo mô hình "xã hội số tỉnh thức" (Mindful Digital Society) – nơi tốc độ không đánh đổi đạo lý, nơi công nghệ không xói mòn nhân tính, nơi dữ liệu được phục vụ con người chứ không ngược

lại.

Xã hội số tỉnh thức là nơi mà: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Công dân số được giáo dục Giới – Định – Tuệ ngay từ nhỏ.

Doanh nghiệp số phát triển theo chính mạng, không gây tổn hại cộng đồng.

Chính quyền số vận hành bằng chính kiến – chính nghiệp – chính tư duy.

Công nghệ được thiết kế để giải khổ, chứ không tạo nghiệp mới.

Đó không chỉ là mô hình lý tưởng, mà là hướng đi tất yếu nếu chúng ta không muốn phát triển lệch hướng đạo lý.

6.3. Tuyên ngôn hành động: Phật học ứng dụng là quốc sách mềm cho Việt Nam kỷ nguyên mới

"*Không thể bảo vệ phẩm giá dân tộc bằng công nghệ vô cảm. Không thể nuôi dưỡng hạnh phúc tập thể nếu thiếu từ bi trong thể chế. Không thể vươn tầm nhân loại nếu không bắt đầu bằng giác ngộ chính mình.*" - (Minh Dực, 2025)"

Với tinh thần đó, bài viết đề xuất đưa Phật học ứng dụng vào lộ trình "*quốc sách mềm*", hỗ trợ thực hiện đồng bộ Nghị quyết 57-NQ/TW và các chương trình quốc gia: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Tích hợp triết lý Tam học vào chương trình giáo dục kỹ năng sống, đạo đức số, quản trị cảm xúc; điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Xây dựng tiêu chuẩn đạo đức Phật học cho trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và truyền thông số; điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Ban hành Hiến chương Đạo lý số Quốc gia, tạo nền tảng pháp lý cho mô hình xã hội số tỉnh thức; điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Phát động Tuần lễ Quốc gia về Tỉnh thức – Từ bi – Minh triết trong xã hội số, như điểm nhấn văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế.

Từ đó, Việt Nam không chỉ là quốc gia phát triển số, mà còn là ngọn đuốc đạo lý của Đông phương – mang Phật học vào thực tiễn quốc gia như một hình mẫu

quản trị có linh hồn.

Như lời đức Phật đã khẳng định trong Kinh Đại Bát Niết-bàn: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

"*Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi.*" (Attadīpā viharatha, attasaraṇā, anañña saraṇā) (Dīgha Nikāya, Mahāparinibbāna Sutta)1.

Thông điệp này không chỉ là lời nhắc nhở về sự tự lực trên con đường tu tập, mà còn là kim chỉ nam cho mọi thời đại: trong bối cảnh công nghệ và xã hội biến động, con người vẫn phải tự soi sáng bằng trí tuệ và đạo lý của chính mình, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống hay máy móc.

6.4. Kết tinh tư tưởng: Chuyển đổi số là phương tiện – Phật học là định hướng

Phương tiện	Đích đến
Công nghệ	Giải khổ
AI – Dữ liệu – Hạ tầng	Tỉnh thức – Từ bi – Minh triết
Chính sách kỹ thuật số	Xã hội có chánh kiến – chánh nghiệp – chánh mạng

Chuyển đổi số là tất yếu. Nhưng nếu không được soi rọi bởi ánh sáng đạo lý, nó sẽ dẫn đến xung đột, hỗn loạn và vô minh thế hệ mới. Chỉ khi được đặt trong khung Tam học, dẫn dắt bởi chính kiến, nâng đỡ bởi từ bi, và vận hành trong chính niệm – thì xã hội số mới thật sự trở thành xã hội nhân văn, nhân bản, nhân nghĩa.

Tổng kết luận tư tưởng – hành động: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Tương lai của Việt Nam không thể chỉ được viết bằng dữ liệu – mà phải được khắc bằng đạo lý. Giữa một thế giới siêu kết nối đang tái định nghĩa nhân tính qua thuật toán, Việt Nam cần một nội lực tinh thần sâu bền, một hệ điều hành đạo đức được kiến tạo từ nền tảng văn hóa – triết lý – minh triết Á Đông.

Trong dòng chảy ấy, Phật học không chỉ là tôn giáo, mà là một hệ triết học khai phóng – một đạo lý ứng dụng – một bản lĩnh tinh thần vượt thời gian. Với sức mạnh tư tưởng hơn 2. 600 năm, Phật học mang đến cho chúng ta một đối trọng tư duy với chủ nghĩa duy lý công cụ, một trục đạo đức đối kháng với chủ nghĩa vị kỷ số, và một con đường tỉnh thức giữa cơn lốc dữ liệu vô ngã.

Trong Mahāparinibbāna Sutta – lời di huấn cuối cùng trước khi nhập diệt – đức Phật đã không để lại bất kỳ biểu tượng quyền lực nào, không thiết lập học thuyết bất di bất dịch nào. Thay vào đó, Ngài chỉ để lại một lời căn dặn: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

"*Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi.*" (Attadīpā viharatha – Dīgha Nikāya, DN 16)1 [Dīgha Nikāya, DN 16] Footnote: Dīgha Nikāya 16 – Mahāparinibbāna Sutta. In: Pali Text Society. (1995). Dīgha Nikāya. Oxford University Press.

Đó không chỉ là một tuyên ngôn cho sự tự lực giải thoát, mà còn là nguyên lý cốt lõi cho mọi hệ thống văn hóa – giáo dục – công nghệ muốn phát triển bền vững: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Không có ánh sáng nào thay thế được ánh sáng của nội tâm tỉnh thức.

Từ lời dạy ấy, chúng ta hiểu rằng: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Không có quốc gia nào trường tồn nếu đánh mất năng lực phản tỉnh. Không có nền giáo dục nào bền vững nếu chỉ dạy cách thao tác công cụ mà không nuôi dưỡng phẩm chất con người. Không có chuyển đổi số nào đủ sâu nếu không đi kèm chuyển hóa nhận thức.

Và như thế, trong kỷ nguyên mà trí tuệ nhân tạo đang dần thay thế tư duy con người, thì Phật học chính là lời nhắc nhở vĩnh cửu về nhân tính, từ bi, và trí tuệ không bị lập trình. Đây không chỉ là trách nhiệm của ngành học Phật giáo – mà là một mệnh lệnh triết lý cho các nhà hoạch định chính sách, nhà giáo dục, kỹ sư công nghệ và toàn xã hội: điều này cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa các luận điểm và thực tiễn.

Hãy xây dựng tương lai Việt Nam trên nền đạo lý – chứ không chỉ trên nền tảng dữ liệu.

Tác giả: ThS. Nguyễn Hoàng Hành
Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo

***

Tài liệu tham khảo (APA 7th edition):

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Bodhi, B. *(Trans)*. (2000). *The Connected Discourses of the Buddha: A Translation of the Samyutta Nikāya*. Wisdom Publications.

3. Goleman, D. *, & Davidson, R*. J. *(2017)*. Altered Traits: Science Reveals How Meditation Changes Your Mind, Brain, and Body. Avery.

4. Hanh, T. *N*. (1998). *The Heart of the Buddha’s Teaching*. Broadway Books.

5. Kizza, J. *M*. (2018). *Ethical and Social Issues in the Information Age (6th ed*.). Springer.

6. Loy, D. *R*. (2010). *The World Is Made of Stories*. Wisdom Publications.

7. Nhat Hanh, T. *(2006)*. Understanding Our Mind: 50 Verses on Buddhist Psychology. Parallax Press.

8. Pali Text Society. *(1995)*. Dhammapada: A Translation. Oxford University Press.

9. Pavarana, S. *(2020)*. Buddhist Ethics in the Age of Artificial Intelligence. Journal of Buddhist Ethics, 27, 1 – 25.

10. Searle, J. R. (1980). *Minds, brains, and programs*. Behavioral and Brain Sciences, 3(3), 417 – 457. https: //doi. org/10. 1017/S0140525X00005756

11. Wallace, B. *A*. (2006). *The Attention Revolution: Unlocking the Power of the Focused Mind*. Wisdom Publications.

12. Floridi, L. , & Cowls, J. (2021). Ethical aspects of AI. In M. Dubber, F. Pasquale, & S. Das (Eds.), *The Oxford Handbook of Ethics of AI* (pp. 150 – 170). Oxford University Press.

13. Vernezze, P. *(2020)*. Buddhist Perspectives on AI Ethics. Philosophy East and West, 70(3), 543 – 560.

14. Minh Dực. (2025, July 30). TỪ: Trục đạo đức học phổ quát và hiện sinh. Tạp chí Nghiên cứu Phật học. https: //tapchinghiencuuphathoc. vn/tu-truc-dao-duc-hoc-pho-quat-va-hien-sinh. html

15. Minh Dực. (2025, July 31). BI: Năng lượng thu phục, thiết kế và chuyển hóa xã hội. Tạp chí Nghiên cứu Phật học. https: //tapchinghiencuuphathoc. vn/bi-nang-luong-thu-phuc-thiet-ke-va-chuyen-hoa-xa-hoi. html

16. Minh Dực. (2025, August 1). HỶ: Nụ cười hồi sinh cộng đồng. Tạp chí Nghiên cứu Phật học. https: //tapchinghiencuuphathoc. vn/hy-nu-cuoi-hoi-sinh-cong-dong. html

17. Minh Dực. (2025, August 2). XẢ: Trí tuệ buông và sức mạnh giữ. Tạp chí Nghiên cứu Phật học. https: //tapchinghiencuuphathoc. vn/xa-tri-tue-buong-va-suc-manh-giu. html